

Về sự thể chưa hoàn tất của một con người Việt Nam

• *nguyễn hữu liêm*

Cho đến hôm nay con người Việt Nam vẫn chưa xuất hiện vì nhân loại này còn chưa có một con người Việt Nam- một khái niệm về một con người Việt như thể chưa được kiến tạo. Một con người Việt Nam xứng đáng như là một khái niệm về con người Việt Nam- vốn cũng chưa có- vẫn đang còn là một cuộc tìm.

Có rất nhiều dấu hiệu báo hiệu sự có thể đến của một con người Việt Nam- và sự kiện này có vẻ như là con người Việt Nam đang vắng mặt. Không phải như thế. Con người Việt Nam không thể đang vắng mặt vì hẳn không thể vắng khi hẳn chưa hiện hữu.

Cộng đồng thế giới có những vấn đề Việt Nam, có những sự kiện liên quan đến lịch sử Việt Nam- nhưng thực ra chưa ai đối diện với một con người Việt Nam nào cả. Con người Việt Nam có vẻ như có mặt đâu đó, nhưng chưa ai nhận diện ra. Không ai có thể hình dung hẳn là như thế nào cả. Con người Việt Nam vẫn còn là một huyền thoại.

Ngay cả một chủ thể “ai đó” để nhận diện ra người Việt Nam vẫn chưa có. Và cũng chưa có một định thể

khách quan để công nhận con người Việt vì hẳn chưa có mặt để được công nhận. Tất cả những gì liên quan đến con người Việt Nam đều được định danh về một giai thời, một khu vực, một khoảng biến cố, một câu hỏi. Chính những con người nhân danh là con người Việt Nam cũng từ chối chính mình- và họ chỉ nhận chân ra chính họ bằng cách đặt vấn đề về cái bên ngoài chính họ và không phải là của họ. Con người Việt Nam chỉ thấy chiếc bóng của mình nhưng không biết mình có hiện hữu hay không- và nếu có thì hẳn đang đứng ở đâu, và với một bản chất định tính như thế nào.

Có những yếu tố có vẻ gần như làm nên được một con người Việt Nam. Nhưng tất cả những yếu tố này chỉ làm nên một khung cảnh con người Việt Nam chứ chưa gây dựng nên được một con người Việt Nam rõ ràng. Do đó, chỉ có một hình bóng, một hoàn cảnh, hay chỉ là một nhân dạng Việt Nam- chứ chưa có một con người Việt Nam. Tôi muốn nêu lên những yếu tố gây dựng nên một nhân dạng Việt Nam- và cũng là những nguyên nhân tại sao con người Việt Nam chưa xuất hiện.

1. Con Người Thể Xác: Thể Nhân Việt Nam

Có một tập thể nhân loại, qua Thời lượng, đã mang những bản chất ngoại hình và cấu trúc di truyền đặc thù để có thể nhận diện và định tính rằng họ thuộc về tập thể dân tộc Việt Nam. Họ hơi nhỏ nhắn, đôi mắt đen nháy và có vẻ linh hoạt. Họ có một kiểu ngồi rất đặc biệt: ngồi chồm hóm- chỉ có thể làm được nhờ vào khớp người xương nhỏ và nhẹ. Tuy nhiên, tập thể nhân dạng này không nhận diện chính mình bằng thân thể- thân xác là

cơ cấu ngoại thân và họ có khuynh hướng nhìn lại chính mình để phủ nhận chính cấu trúc di truyền đó. Họ có khuynh hướng truy lạc, cũng như mọi dân tộc khác; tuy nhiên, nguyên nhân truy lạc của thể nhân Việt Nam phát xuất nhiều hơn từ yếu tố ngoại thân trong cách nhận diện chính mình. Chính vì khuynh hướng tự phủ định chính mình bằng phủ định thân thể như là một cơ chế không

thể tách rời mà con người Việt Nam vẫn cứ mãi có vấn đề với chính mình.

Nhân dạng Việt Nam vì thế không thoải mái với chính mình. Đây là hiện tượng sửa sắc đẹp, nhuộm tóc, dù là làm hoe vàng đi một tí, của một số rất đông phụ nữ Việt Nam ở thành phố. Đàn ông Việt Nam mong muốn mình to cao hơn, thông minh, tài năng hơn chính mình đang là. Nếu hỏi họ rằng nếu như có tái sinh thực sự thì họ không muốn sinh ra làm người ở “kiếp sau” trong một nhân dạng Việt Nam. Khi không vừa ý với thân dạng của mình thì năng lực tự tin về thân thể họ như là một nền móng thực tại nhằm phóng mình vào cuộc sống thế gian gặp rất nhiều khó khăn. Họ có khuynh hướng buông thả, liêu lỉnh, cầu may và tin vào số phận, định mệnh vì cái giá phải trả cho thân xác không phải là thân thể mà là một cái gì đó không phải còn là chính mình. Là nạn nhân của một truyền thống tôn giáo phủ định và coi nhẹ thân xác, nhân dạng Việt Nam đối diện với cơ thể của họ một cách đầy mâu thuẫn: một bên rất nặng gánh khoải lạc thân xác như là để mình xác cái hiện hữu của cái Ta với gánh nặng cơ cấu vật thể này; nhưng đồng thời khoải lạc và hưởng thụ cũng để trải qua cái tồn hữu của thân xác này như một cái gì phải được tiêu thụ và vượt qua.

Từ đó, thân thể của nhân dạng Việt Nam là một gánh nặng Thời thể và Thời lượng: sự tồn đọng của một cái gì không còn cần thiết trên mức độ năng động ý thức mà Thời gian để lại cho ý chí tự-Ngã. Thời thể chỉ là đòn gánh phủ định cho ý thức mà ý chí tồn hữu nằm ở ngoài ta, ngoài cơ cấu di truyền, ngoài cơ chế thân xác.

Ý thức Việt Nam không phát xuất từ cơ bản thân thể Việt Nam: Nó không có một trực giác nhận diện trực tiếp cái Ta này với cấu trúc thân thể này. Nó vượt lên thân thể như là nổi phần uất, nó từ chối trong tuyệt vọng, nó ngấu ngiên chính mình bằng sự tự phản bội chính mình. Khoải lạc thân thể là một năng ý tự phủ định này. Khuynh hướng tôn giáo là một thể thức đi tìm khoải lạc thân xác bằng cách lý tưởng hóa khoải lạc ngoài cơ thể thân xác. Hiện tượng Lý Bạch như là một huyền thoại “tự yêu hình bóng chính mình cho đến chết” là một khoảnh khắc hiếm có trong văn hóa Trung Hoa mà Việt Nam để ý đến- và trong truyền thống “để ý đến” này, thơ văn là một hiện tượng tôn giáo đi tìm khoải lạc ngoài cơ thể vì dân Việt không có can đảm, chủ ý hay là cơ hội để xây dựng khoải lạc từ ngay nơi cơ thể của chính họ. Đây là nguyên nhân của một văn hóa thi ca ám ảnh bởi sự đối

khát của con người Việt Nam- cái thiếu thốn trong đời sống thực hữu đã trở nên cái thừa thái trong vọng tưởng.

Và theo giòng sống thường nghiệm, miếng cơm trở nên một mâm cỗ nhân văn được đưa lên bàn thờ của vọng bái về cái khác cao siêu hơn trước khi đưa vào miệng mình. Nó giống như câu chuyện của tiếng ca nào nuốt của con chim tù hú ở ngoài Trung Việt những năm trước chiến tranh: Hai mẹ con chỉ có một miếng cơm bèn thay phiên nhau mà ngậm; khi đưa con nuốt miếng cơm thì người mẹ chết đói và biến thành con chim than khóc. Một nỗi mặc cảm thân xác nay biến thành thi ca. Sự sống kéo dài như một cơn đói ngàn năm mà miếng cơm trở nên nỗi ám ảnh của tâm thức văn hóa- tại sao thân xác này có đây làm gì cho chính ta cái cơ cực đói khát này. Không trách gì Phật giáo rất dễ bén rễ vào tâm thức quần chúng nghèo đói Việt Nam. Năng ý đi tìm cơm nước bị biến thành năng ý phủ định nguồn gốc của khổ đau trên căn bản thân xác.

Bởi thế, nhân dạng Việt Nam không thể thành công lớn lao và lâu dài trên phương diện kinh doanh hiện đại. Hấn thừa hưởng cái vấn đề này: một thân thể mòn mỏi lê lết dưới ánh nắng mặt trời đi tìm miếng cơm, giọt nước, nhưng tâm thức thì chỉ muốn thân xác này không còn tồn tại nữa. Một đấng hấn đi tìm cái thực tại cần thiết; một đấng hấn mộng tưởng về một cõi hiện hữu khác. Cái có đang là của thân xác không đồng nghĩa với cái có đang là của ý chí. Thế nên hấn rất dễ nản chí, dễ làm liều, dễ gian lận, dễ phản bội. Hấn nhìn đứa cháu khốn khổ từ dưới quê lên, xin chú một ít tiền để đi học và hấn phải cho- vì nếu không thì đứa cháu có thể sẽ đi ăn xin- một khả thể mà hấn không chịu đựng nổi. So sánh với cái thể chế hay quy tắc của công ty và quy luật nghiêm khắc của xã hội, hấn có thể sẽ hy sinh chính ngay mình để giúp con cháu có một ít vốn làm ăn. Và hấn sẵn sàng đi tù cho thân nhân, như ngày xưa đã từng đi kháng chiến sẵn sàng chết cho tổ quốc. Đấng nào cái ta này, cái ta thân xác không là thật, được định nghĩa bằng một Thời quán hy sinh. Cái bàn thờ cho vọng tưởng (tổ quốc, tổ tiên, danh dự...) mới là thực chứ cơ thể này dù có chết hay ở tù hay bị đày đọa cũng thế thôi. Cái thân thể của ngay chính mình sẵn sàng vất đi để phục vụ cho một nỗi xót xa về thân xác- cũng của chính mình.

Nhân dạng Việt Nam thời hậu chiến, khi lý tưởng cao đẹp đã hoàn tất thì sẽ dễ bị sa đọa vì cái cao hơn ngoài thân xác trở thành một cái gì không tác dụng được nữa- trong khi cái thân mạng của mình thì bị coi thường

như một cái gì còn lại của ân huệ số mạng. Ta sống như thể là đủ rồi, hãy uống cho say, hãy liêu lĩnh làm một chuyến. Cơn say lịch sử mà trong đó thân xác nổ tung theo tiếng mìn, tiếng bom đã không tạo nổi hứng khởi-huống gì cái thể chế xã hội và con người ngày nay, ngay cả chính ta, với tất cả những loạn hình của chúng. Tâm thức của nhân dạng Việt Nam nằm đâu đó ngoài thân thể nhưng không xa thân thể. Cái thiết yếu tính của sự hữu thân xác không phục vụ cho khả thể tính của lý tưởng từ ý chí- và hẳn bị một cơn say liên tục với Thời thể trong trạng tính ngoại thân của Thời quán này.

Và nghịch ngổm thay, cái thực cuối cùng lại cũng chỉ là của thân thể này. Khi đã ói mửa ngất ngư, ta mới thấy

2. Con Người Truyền Thông: Ngữ Nhân Việt Nam

Nhưng cái Ta Việt Nam đó dù có muốn nói lên thì vẫn không thể nói được gì vì hẳn còn đang say và cơ thể của hẳn còn đang chưa ổn định, vì lưỡi vẫn còn bị líu ngọng. Ngôn ngữ, thành ra, chỉ là một cơ đồ của những nhân dạng bị ngủ lơ. Và hẳn chỉ có thể hát lèm nhèm. Đó là thực chất của Việt ngữ: nặng chất thi ca nhưng nói chẳng được nhiều. Khi hai người có khả năng nói với nhau ngoài chuyện cơm áo thường nhật thì, nói theo Phan Tấn Hùng, chính họ phải trở nên những kẻ thông ngôn ngay cho mình và cho đối thể. Ngôn ngữ Việt Nam chính vì thế chỉ là một chuỗi dài thông diễn và thuyên thích khi trực giác về ý nghĩa cho ý thức Việt Nam chưa được kiến tạo.

Nhưng thông diễn từ một gốc ý nghĩa nào? Ta không dám nói rằng đó là những gì ta muốn nói mà ta chỉ trích dẫn những gì người khác không là Việt Nam đã nói. Giá trị ý nghĩa phải không là Việt Nam và không là Việt ngữ. Tiếng Tây, tiếng Anh, tiếng Tàu mang một âm chất giá trị thượng đẳng- nó hay, nó đúng vì nó không phải là tiếng Việt. Vì vậy, giá trị Việt ngữ trở thành giá trị của sự lập lại một giá trị khác mà khởi đầu chỉ là một sự hiểu lầm hay sai lỗi trên căn bản ngôn từ. Đây là hiện tượng làm học giả bậc nhì của tiếng Việt: khảo cứu trên sự khảo cứu của ngoại ngữ. Để khi trích dẫn một tác giả xa lạ, nó bỗng trở nên mệnh lệnh của Thánh kinh. Cái thực hữu của giá trị hợp với chính mình và cái hoàn cảnh sai trật của truyền thông không thể được phân biệt. Tiếng Việt, do đó, chỉ là một hiện tượng ký sinh. Một ngôn ngữ không thể sáng tạo và kiến lập cấu trúc khái niệm và giá trị cho chính mình thì vẫn chỉ là một ngôn ngữ hàng hai,

cái quá độ của cuộc rượu chỉ là một năng ý hành hạ trong cái ý chí tự phủ định đầy khổ nạn. Ý thức trở lại với cái ta đang là và hẳn lại trách cái ta- không là cái ta nằm dài giữa chợ mà là cái ta đáng sẽ phải trở nên. Sự phản bội này biến hóa thành nhiều mặt và nhiều lớp: của ý thức không nhìn nhận thân thể như là cơ bản đầu tiên và cuối cùng; của ý chí không đồng nhịp với ý thức về ta; của thân xác không đuổi theo kịp ước vọng của thân xác; của hoàn cảnh phản bội một khả năng nhận diện chính mình qua thân xác. Sau cuộc rượu say mèm với sử tính, nhân dạng Việt Nam đang ngất ngưỡng giữa chợ đời mà không biết mình là ai và đang đi về đâu.

đi sau, là cái bóng của một bản chất giá trị khác, ngoài mình.

Nhân dạng Việt Nam đánh mất chiếc áo thể thức và chính thống của dân tộc khi thừa nhận một ngôn ngữ do kẻ khác sáng tạo và để rồi đánh mất chính mình theo quá trình phát huy ngôn ngữ đó bằng những phạm trù giá trị không phải của mình. Cái khởi đi không chính thống; cái tồn tại không tự chính; cái sẽ là chỉ còn là sự hỗn loạn. Cái bản chất và cái gốc rễ của tất cả những bất ổn của lịch sử Việt Nam phát xuất từ sự bất định của ngôn ngữ Việt.

Ngôn ngữ Việt chỉ chuyên chở được một nửa con người Việt Nam- cái một nửa của ước mơ, của hoài tưởng, của phủ định. Còn cái một nửa kia- của thực tại, của chủ động, của khách quan, kỹ thuật, tri thức- thì vẫn còn nằm vòng ngoài cơ cấu truyền đạt của nó. Ta chưa hình dung được cái thực khách quan vì ta chưa có cái thực khách quan để khái niệm hóa thành ngôn từ. Một nửa là thi ca; nửa chưa có là ước vọng. Đây là một thứ ngôn ngữ thuần mơ mộng chứ chưa phải là ngôn ngữ của khẳng định bởi ý chí. Nhân dạng Việt Nam, từ đó, bị phân tâm bởi chính ngôn ngữ của họ. Thi ca là nguồn mạch tư tưởng; mộng mơ chính là thực tại; ý chí chỉ là đầu mối của hiểm nguy và phủ định.

Thế nên, trí thức Việt phải nhập cảng ngôn ngữ bằng những khái niệm ngoại ngữ để tạo nên một cái khung trống rỗng của ý thức và thực tại Việt Nam. Đây là đầu mối của một lịch sử lạc lối: một thực tại không có khả năng chạy theo những phạm trù khái niệm bị nhập cảng vào và áp đặt lên những đầu óc thơ mộng và viễn vông.

Tiến trình chuyển hóa tâm thức Việt Nam là một hành trình nhọc nhằn chạy theo ngôn từ ngoại thân đến từ bến bờ xa lạ. Một đảng thì ngôn ngữ nhập cảng được dùng để biện minh cho tiến hóa; một đảng thì ngôn ngữ chỉ dùng để phủ định thực tại Đàng Là- thành ra nhân dạng Việt đứng giữa một hố sâu cách biệt giữa ngôn ngữ Chưa Là với một ngôn từ Đả Là. Không đâu thấy một ngôn ngữ Đàng Là và Sẻ Là cho ý lực sinh hiện cho những con người này. Ngôn ngữ Việt Nam định nghĩa con người Việt Nam bằng một vực thẳm ngăn cách- vực sâu trở nên không đáy vì chiều sâu trong thực tính chỉ là một khoảng trống thuần ước vọng. Nhân dạng Việt qua ngôn ngữ- ngữ nhân Việt- chỉ là một bến đò cách khoảng giữa chính ta Đàng Là và cái ta Sẻ Là. Chiều sâu của khoảng cách này sâu hơn là chiều dài của cây tre chèo chống chiếc đò sang sông. Ngôn ngữ Việt Nam, do đó, chỉ còn là tiếng gọi đò vĩnh cửu.

Ngữ nhân Việt, thành ra, đi tìm chính mình và thực tại khách quan bằng cách theo đuổi một chuyến đò đã tách bến trước khi mình đến bờ sông. Ngôn ngữ chỉ còn là hiện thân của một sự nhảy vọt đánh dấu bằng sự kéo lui và thụt lùi của ý nghĩa cho một thực tế của hoàn cảnh rất chậm chạp. Và cái ngăn cách giữa chiếc đò và bước chân tới bến chính là khoảng cách giữa ý chí tự thân và ngôn ngữ ngoại quan. Dù cho ngữ nhân này có trải thân dài ra- cộng thêm với chiếc bóng ước mơ dài đằng đằng của mình- thì họ cũng chưa đem thực tại đến được với ngôn ngữ Sẻ Là. Đó là nguồn gốc của tất cả những khủng hoảng tri thức trong những đầu óc biết suy nghĩ của ngữ nhân Việt Nam.

Mặt khác, ngôn ngữ Việt Nam vẫn chỉ là sự kéo dài của quá khứ. Ta có gì để nói hơn là cái đã từng lập đi lập lại cả mấy trăm năm qua- dù cho thực chất của biến cố

vẫn là những gãy đoạn trong năng ý giã từ cái quá khứ Đả Là này. Không có ngôn ngữ nào mang nặng gánh truyền thống và hoài niệm như tiếng Việt. Cái Đả Là không được phân định, và tất cả các thì quá khứ biến thành hiện tại Đàng Là. Ta đang nói về cái đã không-còn-là như là đang diễn tả cái đang xảy ra trước mắt. Đây là thú ngôn ngữ của vật lý không gian hiện đại: nhận diện khoảng cách của một tinh cầu bằng một tia sáng vốn đã phát xuất từ hàng ngàn năm trước. Cái đang được nhìn thấy và nói ra chẳng qua là chuyện đã rồi- nhưng vì ngôn từ Việt Nam không thể lấy cái hiện Đàng Là cho thực tại vì thực tại không hiện hữu trong tầm tay. Vì thế mà ngữ nhân Việt định nghĩa chính mình bằng quá khứ không-còn-là hồng để nhảy đến một bến bờ Chưa Là. Khi đó, bi kịch của hấn lộ diện: nhảy tới tương lai bằng cái quá khứ mà hấn đang muốn phủ nhận. Tương lai của hấn chỉ còn là nạn nhân của một năng ý phủ định từ một bản chất ý thức vốn chỉ là của quá khứ. Quá khứ là cái nền móng cho cái thực Đàng Là trong khi cái thực của ý chí thì nằm ở nơi cái hủy thể của cái thực trong tâm tay.

Một ngôn ngữ mang âm thể của Hán văn, cấu trúc trật tự của chữ Nôm, với ý nghĩa khái niệm từ Ấn, Hoa, Âu và Mỹ, lại phát âm và ẩn ký bởi những tâm hồn nghệ sĩ mộng mơ, hay hoang mang, ngây ngô, lạc hậu thì ngữ nhân Việt chỉ còn là một vấn đề. Con người ngôn ngữ và truyền thông Việt Nam đang chờ một cơ Thời hội nhất, một Thời quán dung hóa của ba thì quá khứ, hiện tại, và tương lai bằng một hệ thống phân định minh bạch và hợp lý- văn phạm và ngữ pháp- để thói quen ngôn ngữ Việt Nam không chỉ mang ý nghĩa trên trục giác về cái duy Đả Là hay là của cái không-thể-là.

3. Con Người Thời Lý: Thời Nhân Việt Nam

Tự chung cũng vì nhân dạng Việt Nam chưa định được cho mình một nguyên lý cho chữ Thời. Thời lý của họ là một lãnh thổ huyền bí- của cái xảy ra từ một nguyên do từ trong quá khứ vô cùng hay là của một sự thể xảy ra hoàn toàn bất thường và bất định. Cái lý của Thời tại Đàng Là nằm ngoài chu vi thể xác- và ngôn ngữ. Và đây là lý do của gánh nặng sử tính cho nhân dạng Việt Nam: có quá nhiều chất liệu từ lịch sử đầy biến cố nhưng không có những Thời quán để chuyển hóa và thăng tiến chính mình trên cơ bản thực tại Đàng Là khách quan. Nhìn

đâu cũng thấy anh hùng, từ lịch sử, chiến tranh, thiết yếu, sinh tồn, tang tóc, máu xương- để rồi ván cờ Thời Mệnh phải bị làm lại từ đầu. Việt Nam không có những anh hùng từ những Thời quán văn hóa hay tư tưởng. Vì thế nên văn hóa của họ được định nghĩa và sinh động từ khoảng trống bao la này- để rồi nhân dạng này rất quan tâm về vấn đề văn hóa vì họ chưa có cơ hội khai mở chiều sâu văn hóa.

Thời lý văn hóa Việt nam, cho nên, là một sự thể như thế: không có khái niệm song song với năng động tự tại

và tiềm tàng. Cấu trúc văn hóa là sự chạy theo một cái Đã Là đang được kéo dài vào hiện tại. Và văn hóa giao hoán cái trách nhiệm kiến tạo nhân tính Việt Nam cho lịch sử- vốn chỉ là sự kéo dài của một chuỗi Thời vận tình cờ, ngẫu nhiên. Lịch sử, mặt khác, đón nhận trách nhiệm một cách miễn cưỡng, như là một sự thể phải như thế vì tất cả các chức năng kiến quốc và kiến nhân vốn không có Thời lượng để xây dựng cơ hội. Lịch sử Việt Nam phá nát hướng đi văn minh Việt Nam để cho văn hóa này chỉ còn là những năng tác thu nhận xác chết hậu thân từ sử tính. Vì vậy, văn hóa Việt Nam là tổng hợp của những Thời tính sử mệnh vong thân khi lịch sử chỉ xô đẩy con người văn hóa ra ngoài cuộc biến cố thô bạo.

Khi không có cái Sẽ Là cho nội dung và cấu trúc văn hóa mới thì văn hóa là cái còn của quá khứ và cái tan vỡ của Đang Là. Và Thời lý chỉ còn là Thời vận- để rồi nhân cách văn hóa cho Việt Nam là ngẫu tính đầy tùy tiện theo hoàn cảnh. Cái Thời là một sự thể hậu sự để rồi cái ngẫu tính trở nên biện minh cho hành động- vốn có thể đã thành hư sự. Cho nên miệng lưỡi Việt Nam hay ca ngợi chữ Thời như là một điều an ủi, một bài điều văn lỗ vận. Và cái vận nằm ở đâu? Nằm ở hồ sâu Thời tính mà nơi đó ý chí chỉ có thể là một ít muối tiêu gia vị cho sự thể của biến cố đầy nghi ngờ. Cái Thời của Việt Nam là cái chưa-Thời của họ: nó có thể là- nhưng vì không thể hiện thực hóa một cách có kế hoạch, có phương pháp, có cơ cấu, nên nó mãi vẫn Chưa Là mà không thể Sẽ Là.

Chữ Thời vì vậy cứ nằm trong vỏ kén cá nhân- vì tổng thể xã hội khách quan (Thời thể) không dung chứa Thời Ý riêng tư. Bất cứ cái gì mà ta muốn vẫn không có một cơ chế xã thể như là nấc thang nâng đỡ ta. Và ta có hai chữ Thời: chữ Thời chủ quan và chữ Thời khách quan. Cái Thời (thể) ngoài kia- cho đến khi được hòa hợp với cái Thời trong ta- vẫn chỉ là một kẻ trần lột trắng trợn. Lịch sử Việt Nam, tự vô thức, vẫn chỉ là một quá trình đi tìm một khả thể dung hóa hai cơ vận chữ Thời của ta và nhân thể.

Chữ Thời trong ta là Thời Ý nội tại mà nhân dạng Việt Nam vẫn đi tìm một cung điệu cùng nhịp với Thời Ý khách quan. Cái ta Việt Nam loay hoay với hoàn cảnh vật vờ của chính mình để rồi cái ta này trở nên một đòn gánh của ngã thể không cùng- và ý thức nặng nề phát sinh trong khung cảnh này là cảm nhận vong thân: cái Thời của Ta không hát đồng ca với cái Thời chung quanh, ngoài kia. Và cái ta chỉ còn là một nỗi ray rứt- bỏ thì thương, vương thì tội. Cái Thời nội tại là của ông

đánh trống; cái Thời khách quan là của bà thổi kèn- cả hai đang vẫn đứng trên đê chiều ngược gió. Tiếng ca sử tính vang lên khàn cả cổ nhưng cả hai khối Thời vẫn không biết mình tìm đến ở đâu khi năng lực ý chí vẫn là của một khoảng không phủ định. Cái thẳng hệ lịch sử đầu sông cứ tiếp tục đánh trống bỏ dùi để cho giòng nước sử tính trôi chảy bất định. Và nhân dạng Việt tiếp tục nhìn ráng chiều để suy gẫm về Thời mệnh cá nhân trong cung điệu ai oán đối với Thời Ý của sử mệnh.

Và Ta là cái ngoài của Thời Ý đại thể trong khi lại không thể thoát ra khỏi cái vị thế bên lề này bằng cách vượt bỏ quỹ đạo của sử ý khách quan. Cái ta Việt Nam- như là bản chất cái ta nhân loại- vẫn là một thiết yếu tính trong Thời Ý của sử mệnh khách quan mà hẳn chỉ vượt thoát sử mệnh khi nó có khả thể kiến tạo sử tính bằng năng lực dung hóa hai chu vi chữ Thời về với nhau- đem cái ý trong ta chạy theo nhịp Thế của Thời đại bên ngoài. Không có chọn lựa nào khác. Và thảm kịch của cái ta Việt Nam là những chọn lựa không đúng theo thiết yếu tính của một chọn lựa như thế mà thôi: sự mở rộng chu vi Thời Ý cá nhân ra với và bao gồm được vòng quỹ đạo của Thời mệnh lịch sử quốc gia và nhân loại.

Tình trạng này- giữa hai phạm vi chữ Thời- là hai vòng quay ý chí mang tính chất liên đới bất cập: cái ta không đủ cho Thời thể, và cái tổng quan (lịch sử) không thỏa mãn được năng ý chủ quan. Cả hai bao gồm lẫn nhau trên bình diện ước vọng, nhưng bị tách rời trên mặt thực chất. Chữ Thời của đại thể nhân danh cái to lớn hơn cá thể để hy vọng giải quyết chuyện cá thể; trong khi cá thể cũng nhân danh chuyện to hơn chính mình để phục vụ cho cái vượt qua chính mình. Và vòng quay Thời mệnh của cá nhân không có một không gian chính nghĩa nào cho nó vận hành được ước mơ tự hữu và rất là con người trên căn bản đơn độc và đặc thù. Vấn đề xuất phát nhiều từ cá thể Việt Nam: hẳn giao phó sự ưu tiên và nội dung lý tưởng cho cái đại thể một cách toàn diện và tuyệt đối và bỏ quên, hay hy sinh chính mình, để rồi chữ Thời của đại thể trở lại nuốt lấy chính mình trong một bản chất Thời mệnh mới mà chính cá thể không hề có ý muốn kiến tạo ra như thế. Cá nhân ước mơ chuyện lớn hơn chính mình là nguyên nhân của những thảm kịch cho chính mình- đó là cái lý của một Thời đại nhiều nhượng đã và đang đi qua.

Tuy nhiên, đó chỉ là một mặt của vấn đề chữ Thời cho nhân dạng- Thời nhân- Việt Nam. Trầm trọng hơn vấn đề bất cập và bất dung của chủ thể và khách quan là

tình trạng lạc-Thời theo chiều dài Thời thể của tâm thức Việt. Thời nhân Việt Nam bị lạc-Thời trong sự bùng nổ của những Thời tính chồng chất và áp chế. Đó là bản chất của biến cố không hiện thực hóa tính liên tục của một chiều dài tiến hóa cho hiện hữu. Biến cố từ đó không mang tính giải quyết mà chỉ là duy nguyên nhân. Và mỗi lần biến cố xảy ra, nó chỉ là một sự khởi đầu hoàn toàn phủ định vì nền tảng tích lũy cho giá trị của biến cố không nằm trong Thời điểm của biến cố. Một cuộc đổi thay, chính biến, chiến tranh, loạn lạc chỉ để củng cố thêm bản chất lạc hậu của đất nước chứ không là một chung điểm giải quyết một chuỗi dài quá khứ cần phải được vượt qua. Không có một biến cố tư tưởng nào trong lịch sử Việt Nam cả. Tất cả chỉ là những sự thể xảy ra vô nghĩa trên phương diện tiến hóa; nhưng lại dung chứa quá nhiều nguyên nhân cho những Thời tính tiêu cực sẽ phải xảy ra. Bởi thế, khi nhìn lại lịch sử Việt Nam, Thời nhân Việt chỉ có thể nhận thức đến vấn đề ngoại diện của những biến cố hơn là khai phá được những mốc điểm hay nấc thang cho tư tưởng và tâm thức Việt Nam.

Và một sự kiện nghịch-Thời cho lịch sử Việt Nam: Càng có nhiều biến cố, tương lai lại càng chạy trốn đất nước này. Mỗi sự xảy ra chỉ mang đây bản chất quá khứ Đã Là. Giống như một con nợ bên bờ vực phá sản: mỗi biến cố là một lần vay mượn mới vốn chỉ có thể trang trải đủ cho số tiền lời lũy tiến- hẳn càng lấy biến cố như là một phương cách giải nợ, hẳn càng ngập đầu vào nợ. Cái mức độ lãi xuất khắc nghiệt trong Thời tính của sử Việt không cho Thời nhân Việt Nam một cơ hội khấu trừ vào tiền nợ chánh- hẳn chỉ có thể lấy biến cố như là những Thời điểm giải quyết một khoảng khắc tuyệt vọng cho hiện hữu để rồi cái Sẽ Là của hẳn lại càng thêm xa vời.

Thời nhân Việt Nam đang có nhu cầu thụ lý phá sản với tòa nhưng tất cả các món nợ của hẳn không thể được giải nợ qua thủ tục phá sản chính thức. Nợ đây là nợ tình cảm, nợ đạo đức, nợ oan nghiệt, nợ ý thức, nợ trình độ, nợ vô hình, vô lượng. Hơn nữa, không có cơ chế pháp luật nghiêm chỉnh cho hẳn được xóa nợ hợp pháp, hợp lý, hợp tình. Và hẳn lại quá tự hào để chính thức nói rằng hẳn bị phá sản. Việt Nam là thế: một con nợ đang bị khánh tận nhưng không chịu công nhận, chủ quan lẫn khách quan, thực trạng phá sản của mình.

Vì thế, Thời nhân Việt sợ hãi cuốn lịch Thời thể. Cái ngày tháng nào đó như là mốc điểm cũng chỉ là khi/lúc để phải đương đầu với chủ nợ hơn là Thời điểm chung

cuộc một vấn đề. Cuốn lịch trở nên vô nghĩa và là đầu mối sợ hãi. Ngày tháng của niên lịch cũng chỉ là một tiến trình liên tục ngoại thân vì Thời nhân Việt Nam chỉ có được một bản chất của Thời: cái Thời tuyến thể (chiều dài thực nghiệm) không dung chứa cái Thời tính thể (tinh hoa của quá trình). Cái này nhìn đến cái kia như là ước vọng nhưng không có khả năng và cơ chế để dung hợp. Thời tuyến thể không dung nạp Thời tính thể như là một bối cảnh tương tác trên căn bản biện chứng để tiến hóa. Vì vậy mà Thời lịch trở thành kẻ đứng bên lề của những vòng tròn trở lại cũng chỉ chùng đó của những mùa biến cố: bánh xe luân hồi trong vũng lầy sinh hiện không lối thoát.

Cái Thời cho nhân dạng Việt Nam chỉ vẫn là một chuỗi dài trì hoãn với chính nó- những gì hiện hữu chỉ đánh dấu cho một cái kia, cái kia là ý nghĩa của cái nọ, cái nọ chỉ là tiếng trống báo hiệu của một cái xa hơn nữa. Đi tìm một căn tính cho cái Thời Việt Nam là chuyện khó khăn vì đây vẫn chỉ là một cuộc tìm ngoại thân: bây giờ là bao giờ, “ba thu đọng lại” trong một khoảng khắc, tương lai là quá khứ, và hiện tại không có ý nghĩa gì nhiều vì ta chẳng làm gì được đối với một quá khứ mà ta cho là tất cả (tất cả nguyên nhân đều có từ cái Đã Là) cũng như cho một tương lai mà ta không có can đảm vươn đến. Thời điểm cho ý chí vẫn là một cuộc hẹn, một phiên họp bị trễ giờ, một chuyến tàu trì hoãn liên tục và bất tận. Vì thế nên ta cũng lỗi hẹn với chính mình trên bình diện ý chí. Ta đổ lỗi cho số phận, cho Thời vận bất định, cho huyền bí nhằm để giải quyết món nợ Thời điểm mà ta chưa có, chưa hình dung ra, chưa xác định được. Cái Ta Việt Nam được định nghĩa bằng cái Chưa Là trên khuynh hướng về cái Đã Là. Hẳn bước đi về phía trước trong khi định hướng bằng cách ngoái cổ nhìn lại phía sau lưng.

Con người Tây phương chuyển động theo Thời thể như là chuyến tàu của một linh hồn trương mở vào không gian trước mặt. Họ đối diện với khách quan như là một thử thách cho chính mình đối với chính mình- và thời gian là thước đo bận tâm cho tự-ngã. Họ khái niệm hóa Thời thể và nắm nó trên cơ bản phạm trừ để sung thực cho Thời một ý nghĩa thuần chủ quan. Vì vậy, dù Thời là một sự kiện ngoại thân, người Tây phương nội thân hóa khái niệm này để làm bàn đạp cho tiến hóa. Trong khi đó, nhân dạng Việt, đồng tính với tâm hồn Á Đông, chỉ có chấp nhận Thời thể như là một chuỗi dài phủ định mà Thời lượng chỉ còn là một kẻ cắp im lặng

VỀ SỰ THỂ CHƯA HOÀN TẤT CỦA ..

hay là hiện thân của một năng lực triết vong. Và khi Việt Nam tương tác với Tây phương thì họ chỉ lấy được cái Thời hình thức, cái Thời thể cách, mà không nắm được năng lực Thời tính trong trạng thái dung hóa được giữa ý chí chủ quan và Thời thể khách quan. Tức là nhân dạng Việt không sung mãn với chính mình bằng khả năng nội thân hóa sự chuyển động của Thời.

Vì vậy mà Thời đối với nhân dạng Việt chỉ là ảo giác và cứ mãi là ảo giác vì hấn không có khả năng chuyển hóa ảo giác thành phương tiện vượt qua khổ đau. Cái thực của khó khăn trong cuộc sống thân thể lại bị điều hướng bởi cái không thực của Thời thể. Cái khổ nạn thực tại không thể được phủ định bằng ước vọng vào ảo giác Thời tính vì hấn không có ý chí và khả năng phủ định thân thể và tự ngã như là dân Ấn Độ, hay là ý chí bám sát vào cuộc đời một cách quyết liệt như người Tàu. Đối

với người Tàu, do đó, Phật giáo chỉ là hương vị cho hiện hữu; Phật giáo cho Ấn Độ chỉ là một ly rượu phủ định; còn Phật giáo với Việt Nam lại trở nên một nổi băng khuâng và dang dở. Và Thiên Chúa giáo? Đối với Tây phương đó là một giả định cho xong chuyện để họ khỏi bận tâm với những vấn đề huyền nhiệm: họ tạo ra Thượng Đế quyền năng như là hiện thân của ý chí quyền lực tự ngã và họ thờ phượng Thượng Đế như là thờ phụng chính họ. Còn khi Thượng Đế vào Việt Nam thì nó biến thành Chúa Trời để biến cá nhân trở thành vô nghĩa. Thiên Chúa giáo đối với Tây phương là cảm nhận tự chắc mãn, là tiếng trống thúc lên đường khai phá khách quan; còn nó đối với nhân dạng Việt thì lại trở thành một bàn thờ để nhắm mắt, cúi đầu chịu nô lệ. Đàng nào cũng vậy, năng lực đi tìm chính mình của nhân dạng Việt Nam biến thành ý chí tự phủ định.



Nhân dạng Việt Nam không tự chắc chắn, không tự ý thức về mình đến mức độ trực giác. Từ thân thể, từ ngôn ngữ, từ Thời tính, hấn chưa có cơ hội trở nên là một con người Việt Nam thực hữu và sung mãn. Đây là trạng huống Chưa Là trong Thời tính văn hóa và tâm thức Việt Nam vốn đã trở thành gốc rễ cho sử tính dân tộc. Nhân dạng Việt nam chỉ có thể trở nên con người

Việt Nam khi nào hấn tự đứng dậy và lớn lên bằng trực giác về tự ngã và định danh trong niềm tin vào chính họ - cũng như khi hấn chắc mãn về thân thể, hoàn chỉnh ngôn ngữ, và nắm được cơ Thời Sẻ Là cho chính mình. Còn hiện nay, một con người Việt Nam vẫn chỉ còn là của cái Chưa Là bất định

